

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2025

V/v: "Ly hôn, tranh chấp quyền
nuôi con".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Loan Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Hòa; Ông Nguyễn Xuân Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Nghệ An tham gia phiên
tòa:** bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2025/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 7 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị L , sinh năm 1997

Địa chỉ: xóm T , xã N , tỉnh Nghệ An

CCCD số 040197003008

Hiện đang sinh sống tại: Frankfurt strasse 27, 35392 Giessen, cộng hòa Liên bang Đức.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Hoàng Thị Hà P , sinh năm 1994

Địa chỉ: số 35, đường Hecman, phường T , Nghệ An

- Bị đơn: Anh Ngô Văn B , sinh năm 1989

Nơi cư trú: xóm T , xã N , tỉnh Nghệ An

CCCD số 040089005842

Hiện đang sinh sống, làm việc tại nước Cộng hòa Liên bang Đức.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Linh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 30 tháng 12 năm 2019. Hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn, xung đột lẫn nhau. Vợ chồng cũng đã nhiều lần trao đổi, hòa giải

để giải quyết bất đồng, hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả mà ngày càng mâu thuẫn nhiều hơn; anh B đi làm ăn tại Đức cho đến nay, mỗi khi liên lạc về lại gây mâu thuẫn. Hiện tại chị xác định tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là các cháu Ngô Anh T, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2020 và cháu Ngô Khánh N, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2022. Từ khi sinh ra, các cháu đều sinh sống với mẹ. Chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh B đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Ngô Văn B không có mặt tại địa phương; qua xác minh thì ngày 10/9/2025, tại công văn số 3741/PA08-Đ1 công an Nghệ An cho biết: anh Ngô Văn B xuất cảnh ngày 9/5/2023, chưa có thông tin nhập cảnh.

Xác minh đối với bà Bùi Thị V (mẹ đẻ anh Ngô Văn B): bà V hiện bị tai biến nên không minh mẫn; chồng bà Văn đã chết từ lâu.

Xác minh tại anh Ngô Văn Đ (anh trai của Ngô Văn B): anh là người sống chung cùng xóm với mẹ là bà Bùi Thị V; Vợ chồng anh Ngô Văn B, Võ Thị L sau khi cưới nhau về thì sống chung cùng bà V; Được một thời gian thì do cuộc sống khó khăn nên anh B đã đi lao động bất hợp pháp tại cộng hòa Liên bang Đức; Do mẹ bị tai biến nên anh Đ là người thường xuyên liên lạc với anh B, gọi điện...để anh B và mẹ gặp nhau, nói chuyện. Các bên chỉ trao đổi với nhau qua điện thoại, zalo và facebook chứ do anh B là lao động bất hợp pháp nên không có địa chỉ sinh sống. Quá trình Tòa án làm việc, anh Đ cũng đã yêu cầu em trai cung cấp địa chỉ cho anh để anh thông báo cho Tòa án nhưng anh B không cung cấp được địa chỉ.

Ngày 13/7/2025, chị Võ Thị L cũng xuất cảnh đi lao động từ cửa khẩu Nội Bài; Qua lời khai có xác thực của lãnh sự quán Việt nam tại Đức thì chị trình bày hai con nhỏ được gửi cho chị gái là Võ Thị M trú tại xóm Y, xã Đ, Nghệ An nuôi giữ.

Xác minh tại chị Võ Thị M thấy: anh Ngô Văn B đi lao động bất hợp pháp ở nước ngoài không có địa chỉ; Em gái là Võ Thị L đi xuất khẩu lao động và gửi chị trông nuôi hai con nhỏ là Ngô Anh T và Ngô Khánh N; Mọi chi phí nuôi dưỡng...đều do chị L gửi về cho chị. Chị đề nghị Tòa án tiếp tục giao các cháu cho chị L để chị được nuôi giữ trong thời gian chị L đi lao động ở nước ngoài.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời gian quy định. Việc thu thập chứng cứ, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng thời gian, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên tòa cho đến khi hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân của chị L, anh B có mâu thuẫn trầm trọng, trong thời gian sống ly thân cả hai không có giải pháp hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

+ Về con chung: Có 02 con chung là các cháu Ngô Anh T, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2020 và cháu Ngô Khánh N, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2022. Từ khi anh B ra nước ngoài, các cháu đều do chị L nuôi dưỡng; Nay chị đi lao động cũng ở nước ngoài nhưng có địa chỉ được lãnh sự quán Việt Nam tại Đức công nhận; chị giao cho chị gái ruột và chị gái là Võ Thị M cũng nhất trí nhận chăm nuôi các cháu nên cần chấp nhận ý kiến của chị L, giao cả hai con cho chị nuôi dưỡng là đúng quy định của pháp luật.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: đương sự chưa có yêu cầu nên không giải quyết trong vụ án này.

+ Về tài sản và nợ chung: Đương sự đều không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Võ Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án cho chị ly hôn với anh Ngô Văn B nên được xác định là quan hệ tranh chấp “Hôn nhân gia đình”. Bị đơn anh Ngô Văn B có địa chỉ thường trú tại xã N, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Nghệ An.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Văn B thấy rằng: Hôn nhân giữa chị và anh B là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như ý kiến, lời trình bày của nguyên đơn, người làm chứng có căn cứ để xác định: Chị Võ Thị L và anh Ngô Xuân B trọng quá trình chung sống vợ chồng do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tình trạng cãi vã, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau, thực tế không còn chung sống với nhau một thời gian dài từ năm 2023 cho đến nay; Giữa hai vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn cùng chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong

gia đình, như vậy, đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa nguyên đơn khẳng định hiện tại tình cảm không còn; Bị đơn đã được người thân thông báo nội dung khởi kiện; Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản hồi. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị, xử cho chị Võ Thị L. được ly hôn với anh Ngô Văn B là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị L. và anh B. có 02 con chung là các cháu Ngô Anh T., sinh ngày 06 tháng 12 năm 2020 và cháu Ngô Khánh N., sinh ngày 29 tháng 6 năm 2022; chị L. có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung. Xét nguyện vọng nuôi con của đương sự là chính đáng, thể hiện tình cảm và trách nhiệm đối với con chung. Từ khi sinh ra, cả hai cháu đều sinh sống cùng mẹ; Nay chị L. đi xuất khẩu lao động có địa chỉ và nơi cư trú; trước khi đi, chị L. đã gửi con cho chị gái là Võ Thị M. trực tiếp nuôi dưỡng và chị M. cũng có nguyện vọng được tiếp tục trông giữ các cháu. Xét mọi điều kiện: anh B. không có địa chỉ, nơi cư trú rõ ràng, chị L. tuy cũng ở xa nhưng có nơi sinh sống, lao động được lãnh sự quán xác thực, chị L. có trách nhiệm thể hiện việc trước khi đi đã gửi con cho chị gái và chị gái là Võ Thị M. cũng tha thiết được tiếp tục nuôi các cháu. Như vậy, việc giao con cho chị Võ Thị L. tiếp tục nuôi dưỡng sau khi li hôn, tức là gián tiếp giao các cháu sống cùng chị Võ Thị M. là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh sống cũng như hợp tình, thuận lý.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xét đến.

[5] Về tài sản và nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị L.:

- Về quan hệ hôn nhân: cho chị Võ Thị L. được li hôn với anh Ngô Văn B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về nuôi con: giao con chung là các cháu Ngô Anh T., sinh ngày 06 tháng 12 năm 2020 và cháu Ngô Khánh N., sinh ngày 29 tháng 6 năm 2022 cho chị Võ Thị L. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi li hôn.

Anh Ngô Văn B. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung và không ai được cản trở. Nếu anh B. lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh

hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của anh Ngô Văn B. . Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp cấp đường nuôi con chung cho anh Ngô Văn B do đương sự chưa có yêu cầu.

- Về chia tài sản, nợ chung: chưa giải quyết do các đương sự chưa có yêu cầu.

- Về án phí: Chị Võ Thị L phải chịu số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002515 ngày 21 tháng 7 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

(Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

. Nơi nhận:

- VKSND khu vực 2, Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- THA DS Nghệ An;
- UBND xã N, NA;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Loan Hòa